

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CAU HOI CHO NGUOI NOP DON

Date: 24 / 02 / 1979
Ngày: 24 / 02 / 1979

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

L121 DAN THIN
Sathorn Tai Road
Bangkok Thailand
10120

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn bản

- Name
Họ, tên : DAD, NGUYEN ANH Sex: MALE
- Other Names
Họ, tên khác : NONE
- Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 19-02-1942 Saigon
- Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 7/8 ấp 3 Tân Quý Đông, Quận 1, Saigon
- Mailing Address
Địa-chỉ thư-tu : 7/8 ấp 3 Tân Quý Đông, Quận 1, Saigon
- Current Occupation
Nghề-nghiep hiện tại : FISHERMAN (Riverine fishing)

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-dinh như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa chồng (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-dinh
1. <u>TRU, HUYNH THU</u>	<u>05/06/1955</u>	<u>Long An</u>	<u>female</u>	<u>M</u>	<u>Wife</u>
2. <u>LAM, NGUYEN THANH</u>	<u>22/05/1970</u>	<u>Saigon</u>	<u>male</u>	<u>S</u>	<u>Son</u>
3.					
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản, khai-sinh, gia-thu (nếu lập gia-dinh rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa chồng), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Ho Hàng Ở Ngoài Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S./Ba con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name

Ho, Tên

: DIỆP, NGUYỄN BÀ

b. Relationship

Lien-he gia-dinh

: my brother

c. Address

Địa-chỉ

D. Date of Relatives Arrival
in the U.S.

Ngày ba con đến Mỹ

: 07-1992

2. Closest Relative in Other Foreign Countries/Ba con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name

Ho, tên

: HAI, NGUYỄN VĂN

b. Relationship

Lien-he gia-dinh

: Cousin

c. Address

Địa-chỉ

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-The Gia-Dinh (Sống/Chết)

1. Father

Cha

: PHAT, NGUYỄN ĐUY

Living

2. Mother

Mẹ

: HA, NGUYỄN THỊ

Living

3. Spouse

Vợ/Chồng:

: TU, NGUYỄN THỊ BÈ

Living

4. Former Spouse (if any)

Vợ/Chồng trước (nếu có):

NONE

5. Children

Con cái:

(1)

LAM, NGUYỄN THANH

Living

(2)

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings

Anh chị em:

(1)

TÔNG, NGUYỄN THANH

Living

(2)

TRUOC, NGUYỄN THỊ KIM

"

(3)

BÀ, NGUYỄN THANH

"

(4)

DIỆP, NGUYỄN BÀ

"

(5)

TRAC, NGUYỄN THANH

"

(6)

LIÊU, NGUYỄN THANH

"

(7)

LIÊM, NGUYỄN THANH

"

(8)

(9)

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hàng mý

1. Employee Name

Tên họ nhân-viên :

Position title

chức-vu :

Agency/Company/Office

So/Hang/Van-Phong :

Length of Employment

Thời-gian làm-việc

From:

Tu

To:

Toi

Name of American Supervisor

Tên họ giám-Thị Mỹ:

Reason for Separation

Ly do nghỉ việc :

2. Employee Name

Tên họ nhân-viên :

Position title

Chức-vu :

Agency/Company/Office

So/Hang/Van-Phong :

Length of Employment

Thời-gian làm việc

From:

Tu

To:

Toi

Name of American Supervisor

Tên họ giám-Thị Mỹ:

Reason for Separation

Ly-do nghỉ-việc :

3. Employee Name

Tên họ nhân-viên :

Position title

Chức-vu :

Agency/Company/Office

So/Hang/Van-Phong :

Length of Employment

Thời gian làm việc

From:

Tu

To:

Toi

Name of American Supervisor

Tên họ giám-thị mỹ:

Reason for Separation

Ly do nghỉ việc :

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving

Họ tên người tham-gia:

ĐẠC NGUYỄN ANH

2. Dates:

Ngày, tháng, năm

From:

Tu

To:

Toi

16/06/1964

30/04/1975

3. Last Rank

Cap-bac cuối-cung

LTJG

Serial Number:

So the nhân-viên:

68A 701 699

4. Ministry/Office/Military Unit

Bộ/sở/Đơn-Vị/Binh-Chung

Đại Học Kỹ Thuật Quân Sự, Hải Quân

5. Name of Supervisor/C.O.

Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy :

6. Reason for Separation
Ly do nghi viec

Saigon fell in 1975

7. Names of American Advisor(s):
Ho ten co-van My

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chuong-Trinh huan-luyen Hoa-Ky
tai Viet-Nam

Nganh Dien Thi, Dai hoc Ky Thuat
Phu Tho Saigon

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Date received:

Phan-thuong hoac giay khen:

Ngay nhan:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes ☐ No ☐)

(CHU-Y: Xin ban kem theo bat cu van bang, giay ban-khen, hoac chung-thu neu co.
Duong su co khong? Co ☐ Khong ☐)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Ban hoac Vo/chong da huan-luyen o
ngoai quoc

1. Name of Student/Trainee:

Ho ten Sinh-vien/nguoi duoc huan-luyen: DAO NGUYEN ANH

2. School and School Address:

Truong va dia-chi nha truong:

3. Dates:

Ngay, thang, nam

From 28/02/1970 To 4/12/1970

Tu: 2/12/1970 To: 23/12/1970

4. Description of Courses,
Mo-ta nganh hoc

Special Officer Candidate School

VNNAO small boat operation & Instruction

5. Who paid for training?

AI dai-tho chuong-trinh huan-luyen: DEPARTMENT OF THE NAVY

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐)

(CHU-Y: Xin ban kem theo van-bang, hoac chi thi neu co. Ban co hay khong? Co ☐ Khong ☐)

H. Re-education of You or Your Spouse/Ban hoac vo/chong da hoc-tap cai-tao

1. Name of Person in Reeducation:

Ho ten nguoi di hoc-tap cai-tao: DAO NGUYEN ANH

2. Time in Reeducation: From: 26/05/1975 To: 03/05/1978

Thoi gian hoc-tap

Tu: 04/04/1980

To: 22/10/1981

3. Still in Reeducation?*

Yes

No

Van con hoc-tap cai-tao?*

Co

Khong

NO

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Neu duoc tha, chung toi can mot ban sao giay ra trai.)

I. Any Additional Remarks?/Cuoc chu phu-thuoc

I HAVE LOST MY TWO ORIGINAL LIBERATION
PAPER DURING THE FORCED RESIDENCE TIME

Signature

Ky ten:

Date

Ngay:

24/08/1984

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin neu ra tat-ca giay-to kem theo voi so cau hoi nay

1. Release certificate

6. Family certificate

2. Birth certificates (DAO Nguyen anh, Tu Huynh thi Be, Lam Nguyen thanh)

7. Training Verification

3. Marriage certificate

4. Identity cards (DAO Nguyen anh, Tu Huynh thi Be)

5. Photos

Quốc Phòng -
Xe Quân Pháo
Đoàn 700 -
Số: 3802 QĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM -
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

GIẤY RA TRAI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ về công tác rà soát và bồi dưỡng nhân lực cho các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư liên Bộ Quốc Phòng - Nội vụ số 071/TLB ngày 29/12/1977 về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ -
Thủ lệnh quyết định số 90-QĐ ngày 25-4-1978 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRAI

Họ và tên: NGUYỄN ANH ĐẠO LIA T5

Ngày, tháng, năm sinh: 1949

Quê quán: Sài Gòn

(+) Tạm quán: 7/8-Khu 2-aj 6, Tân Quý Đông-Nhà Bè, TP HCM -
hỏi cho về:

Số lính, cấp bậc, chức vụ trong Bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ (94701, 699) Truy uy, sinh viên Kỹ sư điện tử, Trường Kỹ Thuật Quân sự. Khi về, phải thực tiếp trình bày, giải bày với Ủy Ban Nhân dân xã, Phường Tân Quý Đông, thuộc Huyện, Quận Nhà Bè, tỉnh, thành phố: Hồ Chí Minh và phải tuân theo các qui định của Ủy Ban Nhân dân tỉnh, thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Việc hạn quản chế: Sáu tháng

- Việc hạn đi đường

Ngày (Kể từ ngày ký)

Giấy ra Trai)

- Việc và biện pháp đi đường đã cấp:

(+) Tạm trú biệt lập, sau đó chịu sự điều động của chính quyền địa phương đi rừng KTM.

Quản lý Kế Sách ở bìa Chanh

16 tháng 02/1979

Đ. C. M. 15

Tr. C. M. 15

Ngày 10 tháng 04 năm 1978
Bộ trưởng Đoàn 700 -

Trung tá: NGUYỄN VĂN BẮN


Tr. C. M. 15

55

CHỨNG NHẬN VÀO SÂN CHÍNH

Xuất bản: 19/11/1987

Ngày 2/11/1987

3-11-1987



Per

Trần Văn Thước



DEPARTMENT OF THE NAVY
NAVAL EDUCATION AND TRAINING
SECURITY ASSISTANCE FIELD ACTIVITY
NAVAL AIR STATION
PENSACOLA, FLORIDA 32508-5100

4950
Ser N-211/ 2683

0 1 NOV 1980

From: Commanding Officer, Naval Education and Training Security Assistance Field Activity
To: Orderly Departure Program Office, American Embassy, Box 58
Attn: Mr. Bruce A. Beardsley, Director
APO San Francisco, CA 96346-0001

Subj: TRAINING VERIFICATION

Ref: (a) DAO NGUYEN ANH undated ltr

1. Reference (a) was referred to this office for action.
2. Regarding ODP applicant, DAO NGUYEN ANH, verification of training in USA is as follows:

(1) Special Officer Candidate School, NAVOCS Newport, Rhode Island; 20 weeks; convened 27 July 1970; completed 4 December 1970

(2) VNNOC Small Boat Operations & Indoctrination (Riverine Warfare Operations Course), NIOTC Treasure Island, San Francisco, CA; 2 weeks; convened 7 December 1970; completed 23 December 1970


DONALD H. FOWLER
By direction

Copy to:
Dao Nguyen Anh
PSA DET Vallejo, CA
LFTCPAC, San Diego, CA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 024101726

Họ tên NGUYỄN ANH ĐÀO



Sinh ngày 19-8-1949

Nguyên quán Quận 3

TP. Hồ Chí Minh

Nơi thường trú 7/8 Ấp 6A Tân

Qui Nhà Bè TP. Hồ Chí Minh

Dân tộc: kinh Tôn giáo: không	
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
Sọc tròn 0,5cm cách sau đuôi máy phải	
Ngày: 03 tháng 07 năm 1979	
V. TRƯỞNG TY CÔNG AN	
D. TRƯỞNG AN K. NHÀ BÈ	
Chawai.	
Phong hướng 30.	

CHỨNG NHẬN

Xuất trình



Trần Văn Phước

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 300037251

Họ tên: HUYNH-THỊ-BE-TU



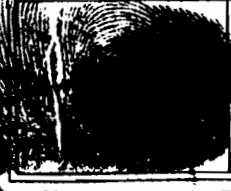
Sinh ngày: 05-06-1955

Nguyên quán: Thanh Phú Long

Tân Châu Long An

Nơi thường trú: 48/43 Đường 6

Phường 2 Tân An Long An

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Không	
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH			
 NGÓN TRỎ TRÁI		sọ thẳng D0,9cm C3 cm trên sau mep tra	
 NGÓN TRỎ PHẢI		Ngày 22 tháng 05 năm 1978 KỶ CHÁNH CÔNG AN 	

SỞ ...
 CHỨC ...
 XƯỞ ...
 BẢN CHÍNH
 TÂN QUY
 năm 1989
 UBND XÃ TÂN QUY

 Trần Văn ...

ĐO-THÀNH SAIGON

HỘ-TỊCH

Bản số 63261a

*

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm bốn mươi chín (1949)

Tên, họ đứa nhỏ	Nguyễn anh Đào
Phái	masculin
Ngày sanh	le dix neuf août mil neuf cent quarante neuf à 10h5
Nơi sanh	Saigon, 205 rue Frère Louis
Tên, họ người Cha	Nguyễn duy Phát
Nghề-nghiệp	Vendeur
Nơi cư-ngụ	Saigon, Bàn cờ
Tên, họ người Mẹ	Nguyễn thị Hai
Nghề nghiệp.	Ménagère
Nơi cư-ngụ	Saigon, Bàn cờ
Vợ chánh hay thứ	premier rang

TRÍCH-LỤC Y BỔN CHÁNH:

MH.5

Saigon, ngày 2 tháng 5 năm 1969

T.U.N. ĐÓ-TRƯỞNG SAIGON

CHỦ SỰ PHÒNG HỘ-TỊCH

Luel

KHUẾ-THỊ-VINH



Số...
CHỦ... CHÍNH
XUẤT... TÀI QUÝ

24 28 năm 1989
UBND XÃ TÂN QUÝ
Per



Trần Văn Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT12/P3

Xã, Phường Tân An Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Huyện, Quận Nhân Trạch
Tỉnh, Thành phố Hồ Chí Minh

QĐ số

Ngày 21/11/79

Số

Quyển số 04

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên Nguyễn Anh Đào

Nguyễn Thị Bé Tí

Bí danh

Sinh ngày tháng 19-08-1949

05-06-1955

năm hay tuổi

Dân tộc

Kinh

Kinh

Quốc tịch

Việt Nam

Việt Nam

Nghề nghiệp

Trẻ em

Trẻ em

Nơi đăng ký

7/8 ấp C X

48/43 ấp 2

nhân khẩu

Tân An

Tân An

thường trú

Tân An

Làng An

Số giấy chứng minh nhân dân: 02110726

500087261

hoặc hộ chiếu

Đăng ký ngày 21 tháng 11 năm 1979

Người chồng ký

Người vợ ký

TM. UBND

Tân An
phòng cấp

Nguyễn Anh Đào

Nguyễn Thị Bé Tí

Phong cấp
phòng cấp

Nguyễn Anh Đào Nguyễn Thị Bé Tí

CHỨNG NHẬN CHẾ TẠM CHÍNH
XUẤT QUỐC



Trần Văn Phước

TRÍCH-LỤC ÁN THẨM ĐỊNH KHAI SINH

Năm : 1955

Do án số 2490-NĐ/65 ngày 01.09.1965 Tòa
HGRQ Long-An đã tuyên án phán rằng :
HUỲNH THỊ BÉ-TƯ, gái, sanh ngày 05.06.1955
tại Xã Thanh-Phú-long, Quận Bình-Phước
Tỉnh Long-An, là con tư sanh của Huỳnh-Văn
Nhứt và Đặng-Thị-Sáu./.

Long-An, ngày 01.09.1965
Chánh-lục-Sự
(Ấn ký)

TÒA-ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG-AN

Số : 086 /TA.SL

TRÍCH SAO THEO BẢN CHÍNH

CẤP CHO : Huỳnh T. Bé Tư

để tùy tiện xử dụng.

Số

CHỨNG

Xuất

ÁN CHÍNH
LONG-AN,

TH. 1989

ngày 20 tháng 07 năm 1976

TM. TÒA-ÁN NHÂN DÂN TỈNH



Võ Văn Sai

ỦY BAN NHÂN DÂN
Hị trấn Tân Qui
Thị xã, Quận Phước Bình
Thành phố, Tỉnh _____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu HT3/P.2

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số II7
Quyển 01

Họ và tên	<u>NGUYỄN THANH LÂM</u>		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>Ngày hai mươi hai tháng năm năm tám mươi</u> <u>22-05-1980</u>		
Nơi sinh	<u>Bệnh Viện Nhân Dân Gia Định</u>		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	<u>Nguyễn Anh Đức</u> <u>1949</u>	<u>Nguyễn Thị Mỹ Từ</u> <u>1955</u>	
Dân tộc Quốc tịch	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	<u>Thợ Điện</u> <u>7/8 ấp 6A Tân Qui</u>	<u>Kế Toán</u> <u>8/43 Phường 2 Tân</u> <u>Châu Long An</u>	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Nguyễn Anh Đức</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 15 tháng 01 năm 1983
TM/UBND Tân Qui ký lên đóng dấu

Đăng ký ngày 14 tháng 01 năm 1983
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Đã ký tên đóng dấu
Mai Hà Minh





Số

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG AN CHỈNH
XUẤT CHỈ NHẬP TÂN QUY

Ngày 04 tháng 4 năm 1989

XUẤT CHỈ NHẬP TÂN QUY
807



Trần Văn Phước

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

NK 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯƠNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 781274 CN

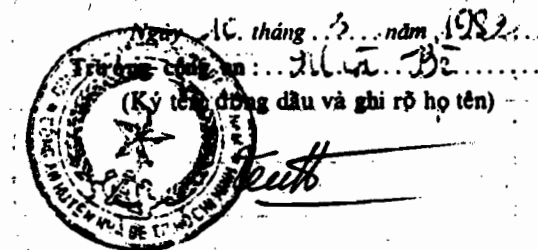
Họ và tên chủ hộ :

Ấp, ngõ, số nhà :

Thị trấn, đường phố :

Xã, phường :

Huyện :



Số NK 3

Thiếu tá Võ Văn Tiến

G/C/D

2471
No.



DEPARTMENT OF THE NAVY
NAVAL EDUCATION AND TRAINING
SECURITY ASSISTANCE FIELD ACTIVITY
NAVAL AIR STATION
PENSACOLA, FLORIDA 32508-5100

4950

Ser N-211/ 3683

01 NOV 1980

From: Commanding Officer, Naval Education and Training Security Assistance Field Activity
To: Orderly Departure Program Office, American Embassy, Box 58
Attn: Mr. Bruce A. Beardsley, Director
APO San Francisco, CA 96346-0001

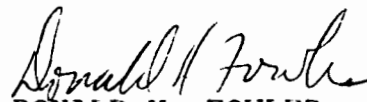
Subj: TRAINING VERIFICATION

Ref: (a) DAO NGUYEN ANH undated ltr

1. Reference (a) was referred to this office for action.
2. Regarding ODP applicant, DAO NGUYEN ANH, verification of training in USA is as follows:

(1) Special Officer Candidate School, NAVOCS Newport, Rhode Island; 20 weeks; convened 27 July 1970; completed 4 December 1970

(2) VNNOC Small Boat Operations & Indoctrination (Riverine Warfare Operations Course), NIOTC Treasure Island, San Francisco, CA; 2 weeks; convened 7 December 1970; completed 23 December 1970


DONALD H. FOWLER
By direction

Copy to:
Dao Nguyen Anh
PSA DET Vallejo, CA
LFTCPAC, San Diego, CA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **024101726**

Họ tên: **NGUYỄN ANH ĐÀO**

Sinh ngày: **19-8-1949**

Nguyên quán: **Quận 3**

TP. Hồ Chí Minh

Nơi thường trú: **7/8 Ấp 6A Tân**

Qui Nhà Bè TP. Hồ Chí Minh



Dân tộc: kinh Tôn giáo: không	
 NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH Sọc tròn 0,5cm cách sau đuôi máy phải
	Ngày: 03 tháng 07 năm 1979 T. TRƯỞNG TY CÔNG AN T. AN N. NHÀ BÈ <i>Chauai.</i> <i>Phước</i>
 NGÓN TRỎ PHẢI	

Số

CHÍNH

Xuất

CHÍNH

QUY

ngày 03/07/1979

TÂN QUÝ



Trần Văn Phước

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 30003728

Họ tên: HUỲNH-THỊ-BÉ-TƯ



Sinh ngày: 05-06-1955

Nguyên quán: Thành Phố Long

Tân Châu Long An

Nơi thường trú: 48/43 Đường 6

Phường 2 Tân An Long An

Quốc Phòng,
Cục Quân Pháp
Đoàn 700
Số: 3802-QĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM -
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 76/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chấn chỉnh đời sống sinh hoạt của các cơ quan chính quyền địa phương chi đó cũ và đang phải phân động hiện đang bị tập trung các tài sản.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc Phòng - Nội vụ số 07/TT/LB ngày 29/12/1977 về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hành quyết định số 90-QĐ ngày 25-4-1978 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

Họ và tên: NGUYỄN ANH ĐÀO LIA T5

Ngày, tháng, năm sinh: 1949,

Quê quán: Sài Gòn

(+) Trú quán: 7/8-Khu 2-cấp 6, Tân Quý Đông-Nhà Bè, TP HCM -
hội cho thuê:

Số lính, cấp bậc, chức vụ trong Bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị phân động của chế độ cũ 094701, 699 Trưng uy, sinh viên Kỹ sư điện tử, Trường Kỹ thuật Phú Thọ. Khi về, phải trực tiếp trình bày ngay giấy này với Ủy Ban dân phố, Phường, Tân Quý Đông thuộc huyện, Quận Nhà Bè, tỉnh, thêm photo: Hồ sơ hình ảnh và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban nhân dân tỉnh, thêm photo về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quân lý khác:

- Việc hạn quản chế: Sáu tháng
- Thời hạn đi đường: ngày (kể từ ngày ký)

Giấy ra trại)

- Việc và lệnh thực đi đường đã cấp:

(+) Tam tuần nhất tháng, hạn do chính trị điều động của chính quyền địa phương đi rừng KTM.

Quảng Kết Sao y bản Chanh

Tên: Ông: Phòng ngày 16 tháng 02/1979

T/M U. B. N. D. C. M. X



Nguyễn Văn Bản
ĐD

Ngày 10 tháng 04 năm 1978
Bộ trưởng Đoàn 700

Trung tá: NGUYỄN VĂN BẢN

57

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CHÍNH
KHOA DƯỢC - SỞ Y DƯỢC TÂN QUY

Ngày 24 tháng 8 năm 1989



8/8

Trần Văn Phức

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm bốn mươi chín (1949)

Tên, họ đứa nh	Nguyễn anh Đào
Phái	masculin
Ngày sanh	le dix neuf août mil neuf cent quaranté neuf à 10h5
Nơi sanh	Saigon, 205 rue Frère Louis
Tên, họ người Cha	Nguyễn duy Phát
Nghề-nghiep	Vendeur
Nơi cư-ngu	Saigon, Bàn cờ
Tên, họ người Mẹ	Nguyễn thị Hai
Nghề nghiệp.	Ménagère
Nơi cư-ngu	Saigon, Bàn cờ
Vợ chánh hay thứ	premier rang

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH:

NH.5

Saigon, ngày 2 tháng 5 năm 1969

T.U.N. ĐÔ-TRƯỞNG SAIGON
CHỦ SỰ PHÒNG HỘ-TỊCH

Luul



KHÚC-THỊ-VINH

The seal of the Ministry of National Defense of North Vietnam is circular. It features a central five-pointed star above a gear wheel. The outer ring contains the text "QUỐC PHÒNG VIỆT NAM" at the top and "HỘI LÍNH QUÂN" at the bottom. Below the gear wheel is a banner with the word "THÀNH".

Chân D. Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT12/P3

Xã, Phường Phước An Huyện, Quận Phước An Tỉnh, Thành phố Hồ Chí Minh

QĐ số

Ngày 21/11/77

Số

Quyển số

04

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên

Nguyễn Anh Khoa

Nguyễn Thị Bé Tí

Bí danh

Sinh ngày tháng

10-08-1949

05-06-1955

năm hay tuổi

Dân tộc

Kinh

Kinh

Quốc tịch

Việt Nam

Việt Nam

Nghề nghiệp

Trẻ em

Trẻ em

Nơi đăng ký

7/8 ấp 6 X

48/43 ấp 2

nhân khẩu

Tân An

Tân An

thường trú

Phước An

Làng An

Số giấy chứng minh nhân dân: 021107226

500057261

hoặc hộ chiếu

Đăng ký ngày 21 tháng 11 năm 1977

Người chồng ký

Người vợ ký

TM. UBND

Tân An

Phước An

Nguyễn Anh Khoa

Nguyễn Thị Bé Tí

Nguyễn Thị Bé Tí

Phước An

Nguyễn Anh Khoa Nguyễn Thị Bé Tí

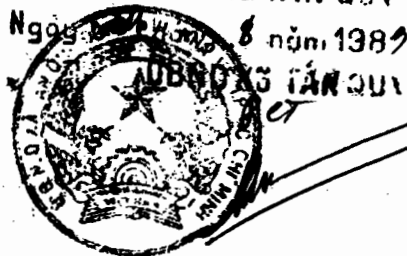
Số

CHỨNG NHẬN Y BẢN CHÍNH

XUẤT QUỐC TÂN QUÝ

Ngày 10 tháng 8 năm 1987

XUẤT QUỐC TÂN QUÝ



Trần Văn Phú

TRÍCH-LỤC ÁN TH Ế VÌ KHAI SINH

Năm : 1955

Do án số 2490-NĐ/65 ngày 01.09.1965 Tòa
HGRQ Long-An đã tuyên án phán rằng :
HUỠNH THỊ BẾ-TỬ, gái, sanh ngày 05.06.1955
tại Xã Thanh-Phủ-long, Quận Bình-Phước
Tỉnh Long-An, là con tư sanh của Huỳnh-Văn
Nhứt và Đặng-Thị-Sáu./.

Long-An, ngày 01.09.1965
Chánh-lục-Sự
(Ấn ký)

TÒA-ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG-AN

Số : 086 /TA.SL

TRÍCH SAO THEO BẢN CHÍNH

CẤP CHO : Huỳnh Thị Bế Tử

để tùy tiện xử dụng.

SỐ

CHỨNG

XUẤT

ẢN CHÍNH
LONG-AN

ẢN QUY

TM.

ngày 20 tháng 07 năm 1976

TÒA-ÁN NHÂN DÂN TỈNH



Võ Văn Sai

22
100



ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn Tân Quý
Thị xã, Quận Hải Phòng
Thành phố, Tỉnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu HT3/P 2

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số II7
Quyển số 01

Họ và tên	NGUYỄN THANH LÂM		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	Ngày hai mươi hai tháng năm năm tám mươi 22-05-1980		
Nơi sinh	Bệnh Viện Nhân Dân Gia Định		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	Nguyễn Anh Đức 1949	Nguyễn Thị Mỹ Từ 1955	
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt Nam	Kinh Việt Nam	
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	Thợ Điện 7/8 ấp 6A Tân Quý	Kế Toán 8/3 Phường 2 Tân Chanh Long An	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Anh Đức		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 15 tháng 01 năm 1983
TM/UBND Tân Quý ký tên đóng dấu

Đang ký ngày 14 tháng 01 năm 1983
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Đã ký tên đóng dấu
Mai Hà Minh



Mai Hà Minh

33
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BAN CHÍNH
XUẤT BẢN CỦA HÒA XÃ TÂN QUY
Ngày 21 tháng 8 năm 1989
HÒA XÃ TÂN QUY



Trần Văn Phước

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số:781274.....CN

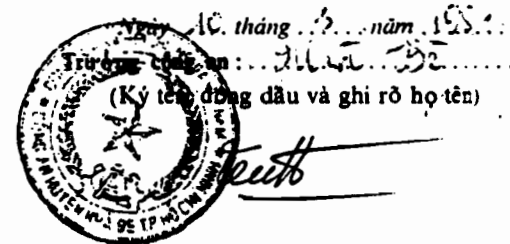
Họ và tên chủ hộ: Nguyễn Lưu Phát

Ấp, ngõ, số nhà: 7/8 ấp B

Thị trấn, đường phố:

Xã, phường: Tân Quý

Huyện: Hòa Bình



Số NK 3:

Thiếu tá Võ Văn Chính

G/C-1

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Họ tên căn hộ ĐKNN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	
01	Nguyễn Văn Đạt	chủ hộ	nam	1920	021101725	Lương thực	1-10-1975		
02	Nguyễn Thị Mai	vợ	sử	1919	021101724	nhà bếp	1-10-1975		
03	Nguyễn Thanh Liêm	con	mam	1959	021101226		04.08.84		
04	Nguyễn Anh Dân	con	mam	1945	021101228		04.08.84		
05	Huyênh Thị Bê Tô	dâu	nữ	1955	300037281.		21.07.1986		
06	Nguyễn Thanh Sơn	cha	mam	1980	55		21.07.1986		
					CHÚNG NHẬN AN CHỈNH				
					Xuất bản	TÂN QUY			
					Ngày 24	tháng 08 năm 1987			
					BỘ TƯ LỆNH QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH QUỐC GIA - H. N. NH. TP. HCM				
					(Seal)				
					Trần Văn Phước				

Subject: Request for Immigration to the United States of America under
the Orderly Departure Program.

Dear Sir,

I undersigned : DAO, NGUYEN ANH
DOB and POB : 19-08-1949 Saigon
Nationality : VIETNAM Sex : MALE
Marital status : MARRIED
Home address : 7/8 ap 3 Tan qui Dong Nha Be Saigon

Education : The FOURTH YEAR OF THE PHU THO ENGINEERING
UNIVERSITY,
Before April 30, 1975 :

Rank : LTJG Serial number : 69A281699
Occupation : STUDENT AT THE PHU THO ENGINEERING UNIVERSITY
Unit : VN NAVY

After April 30, 1975 :

Re-educated in detention camp from : 26/05/1975 to : 22/10/1981
- Tuol Sleng (Tay Ninh) from 6/1975 to 8-1975. Long Khau from 8/1975 to
- 6/1976. Dongban (Tay Ninh) from 6/1976 to 2/1977. Katum (Tay Ninh)
- from 2/1977 to 6/1977. Hoa Binh (Saigon) from 6/1977 to 5/1978
Released in Hoa Binh (Saigon) from : 03/05/1978

(Release certificate : 3802 QD - 10/04/1978)

Re-educated in detention camp from 04/04/1980 to 22/10/1981 : My reason: going overseas
Due to the difficulty of my situation and based on the authority of your organization and the spirit of humanitarian act, I wish to request your assistance and intervention with the Government of the Socialist Republic of Vietnam under your arrangement and protect under the Orderly Departure Program to immigrate to the U.S.A. for purpose of seeking a new life.

Following are my relatives to be evacuated with me to the U.S.A. :

Name	Sex	DOB	POB	Relationship	Address
<u>THU, NGUYEN THI BIE</u>	<u>Female</u>	<u>5/6/1955</u>	<u>Long An</u>	<u>Wife</u>	<u>7/8 ap 3 Tan qui Dong Nha Be Saigon</u>
<u>LAM, NGUYEN TXANHA</u>	<u>Male</u>	<u>22/5/1980</u>	<u>Saigon</u>	<u>Son</u>	<u>7/8 ap 3 Tan qui Dong Nha Be Saigon</u>

Your consideration on the above to help me through your humanitarian act will be highly appreciated.

Respectfully yours,

DAO, Nguyen anh

Subject: Request for Immigration to the United States of America under
the Orderly Departure Program.

Dear Sir,

I undersigned : DAO, NGUYEN ANH
DOB and POB : 16-08-1949 - Saigon
Nationality : VIETNAM Sex : MALE
Family status : MARRIED
Home address : 7/8 ấp 3 Tân qui Đông, Nha Be, Saigon

Education : The FOURTH YEAR OF THE PHU THO ENGINEERING UNIVERSITY
Before April 30, 1975 :

Rank : LTJG Serial number : 69A301699
Occupation : STUDENT AT THE PHU THO ENGINEERING UNIVERSITY
Unit : VN NAVY

After April 30, 1975 :

Re-educated in detention camp from : 26-05-1975 to : 22-10-1981
- Trảng Lớn (Tây Ninh) from 6-1975 to 8-1975, Long Khẩu from 8-1975
- to 6-1976, Đồng Bào (Tây Ninh) from 6-1976 to 2-1977, Katum (Tây
- Ninh) from 2-1977 to 6-1977, Hố Mên (Saigon) from 6-1977 to 05-1978
Released in Hố Mên (Saigon) from : 03-05-1978

(Release certificate : 3802 QD - 10/04/1978
Re-educated in detention camp from 04/04/1980 to 22/10/1981: My reason: going overseas
Due to the difficulty of my situation and based on the authority of your organisation and the spirit of humanitarian act, I wish to request your assistance and intervention with the Government of the Socialist Republic of Vietnam under your arrangement and protect under the Orderly Departure Program to immigrate to the U.S.A. for purpose of seeking a new life.

Following are my relatives to be evacuated with me to the U.S.A. :

Name	Sex	DOB	POB	Relationship	Address
<u>TRU, HUYNH THI</u>	<u>Female</u>	<u>5/6/1955</u>	<u>Long An</u>	<u>Wife</u>	<u>7/8 ấp 3 Tân qui Đông, Nha Be, Saigon</u>
<u>LAN, NGUYEN THANH</u>	<u>male</u>	<u>22/5/1980</u>	<u>Saigon</u>	<u>son</u>	<u>7/8 ấp 3 Tân qui Đông, Nha Be, Saigon</u>

Your consideration on the above to help me through your humanitarian act will be highly appreciated.

Respectfully yours,

DAO
DAO, Nguyen Anh

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CAU HOI CHO NGUOI NOP DON

Date: _____
Ngày: 24/08/1989

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

L121 ~~Box 100~~
Sathorn Tai Road
Bangkok Thailand
10120

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

A. Basic Identification Data/Lý lịch cá nhân

1. Name
Họ, tên : DAD, NGUYEN ANH Sex: MALE
2. Other Names
Họ, tên khác : NONE
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 19-08-1949, Saigon
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 2/8 ấp 3 Tân qui Đông Bình Be, Saigon
5. Mailing Address
Địa-chỉ tho-tu : 7/8 ấp 3 Tân qui Đông Bình Be, Saigon
6. Current Occupation
Nghề-nghiep hiện tại : FISHERMAN (Riverline fishing)
8. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kê khai tình trạng gia-dinh như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phu/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Thang/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phai	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-dinh
1. <u>TU, HOANG THU BE</u>	<u>05/06/1955</u>	<u>Long An</u>	<u>female</u>	<u>M</u>	<u>Wife</u>
2. <u>LAM, NGUYEN THANH</u>	<u>09/05/1980</u>	<u>Saigon</u>	<u>male</u>	<u>S</u>	<u>Son</u>
3.					
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(Chú-Y: Cho mọi người có các tài liệu danh sách trên, chúng tôi cần một bản, khai-sinh, gia-thê (nếu lập gia-dinh rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tu của vợ/chồng (nếu góa phu/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Ho Hàng Ở Ngoài Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S./Ba con thân thuộc nhất ở Hoa-Ky

a. Name

Họ, Tên

: DIỆP, NGUYỄN BA

b. Relationship

Lien-hệ gia-dinh

: my brother

c. Address

Địa-chỉ

D. Date of Relatives Arrival
in the U.S.

Ngày ba con đến Mỹ

: 02-1982

2. Closest Relative in Other Foreign Countries/Ba con Thân-thuộc nhà ở các nước khác

a. Name

Họ, tên

: HAI, NGUYỄN VĂN

b. Relationship

Lien-hệ gia-dinh

: Cousin

c. Address

Địa-chỉ

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-The Gia-Dinh (Sống/Chết)

1. Father

Cha

: PHAT, NGUYỄN DUY

Living

2. Mother

Mẹ

: HAI, NGUYỄN THỊ

"

3. Spouse

Vợ/Chồng:

: TU, HUYNH THỊ ĐE

"

4. Former Spouse (if any)

Vợ/Chồng trước (nếu có):

NONE

5. Children

Con cái:

(1)

LAM, NGUYỄN THANH

Living

(2)

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings

Anh chị em:

(1)

TÔNG, NGUYỄN THANH

Living

(2)

TRUOC, NGUYỄN THỊ KIM

"

(3)

BA, NGUYỄN THANH

"

(4)

DIỆP, NGUYỄN BA

"

(5)

TRAC, NGUYỄN THANH

"

(6)

LIÊU, NGUYỄN THANH

"

(7)

LIÊM, NGUYỄN THANH

"

(8)

(9)

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Ban hoặc vo/chong da co lam viec cho cong-so cua chinh-phu My hoặc hang my

1. Employee Name

Ten ho nhan-vien :

Position title

chuc-vu :

Agency/Company/Office

So/Hang/Van-Phong :

Length of Employment

Thoi-gian lam-viec

From:

Tu

To:

Toi

Name of American Supervisor

Ten ho giam-Thi My:

Reason for Separation

Ly do nghi-viec :

2. Employee Name

Ten ho nhan-vien :

Position title

Chuc-vu :

Agency/Company/Office

So/Hang/Van-Phong :

Length of Employment

Thoi-gian lam-viec

From:

Tu

To:

Toi

Name of American Supervisor

Ten ho giam-Thi My:

Reason for Separation

Ly-do nghi-viec :

3. Employee Name

Ten Ho nhan-vien :

Position title

Chuc-vu :

Agency/Company/Office

So/Hang/Van-Phong :

Length of Employment

Thoi gian lam-viec

From:

Tu

To:

Toi

Name of American Supervisor

Ten ho giam-thi my:

Reason for Separation

Ly do nghi-viec :

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi Chinh-phu Viet-Nam

1. Name of Person Serving

Ho yen nguoi tham-gia:

ĐẠO NGUYỄN ANH

2. Dates:

Ngày, tháng, năm

From:

Tu

To:

Toi

16/11/1969

30/04/1975

3. Last Rank

Cap-bac cuối-cung

LTJG

Serial Number:

So the nhan-vien:

69A 201 644

4. Ministry/Office/Military Unit

Bo/so/Don-Vi/Binh-Chung

Đại học Kỹ Thuật Phòng Thủ, Saigon

5. Name of Supervisor/C.O.

Ho ten nguoi giam-thi/si-quan

chí-huy

Hải Quân

6. Reason for Separation : Saigon fell in 1975
Ly do nghi viec :
7. Names of American Advisor(s):
Ho ten co-van My : _____
8. U.S. Training Courses in Vietnam: Ngành Điện tử, Đại học Kỹ thuật
Chương-Trình huan-luyen Hoa-Ky : Phu lục, Saigon
tại Việt-Nam :
9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: _____ Date received: _____
Phân-thuong hoặc giay khen: _____ Ngày nhận: _____

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes ☐ No ☐.)

(CHU-Y: Xin ban kem theo bat cu van-bang, giay ban-khen, hoặc chung-thu neu co. Duong su co khong? Co ☐ Khong ☐.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Ban hoặc Vo/chong da huan-luyen o ngoai quoc

1. Name of Student/Trainee:
Ho ten Sinh-vien/nguoi duoc huan-luyen: DAD, NGUYEN ANH
2. School and School Address :
Truong va dia-chi nha truong : _____
3. Dates: From 22/02/1970 To 4/12/1970
Ngày, tháng, năm Tu: 2/12/1970 To: 23/12/1970
4. Description of Courses : Special Officer Candidate School
Mô-tả ngành học : UNNOC Small Boat Operation & Induction
5. Who paid for training? :
Ai đài-tho chương-trình huan-luyen? : DEPARTMENT OF THE NAVY

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐.)

(CHU-Y: Xin ban kem theo van-bang, hoặc chi thi neu co. Ban co hay khong? Co ☐ Khong ☐)

H. Re-education of You or Your Spouse/Ban hoặc vo/chong da hoc-tap cai-tao

1. Name of Person in Reeducation:
Ho ten nguoi di hoc-tap cai-tao : DAD, NGUYEN ANH
2. Time in Reeducation: From: 26/05/1975 To: 03/05/1978
Thời gian học-tập Từ: 04/04/1970 To: 22/10/1971
3. Still in Reeducation? Yes ☐ No ☐
Van con hoc-tap cai-tao? Co ☐ Khong ☐ NO

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Neu duoc tha, chung toi can mot bản sao giay ra trai.)

I. Any Additional Remarks?/Cuoc chu phu-thuoc

I HAVE LOST MY TWO ORIGINAL LIBERATION PAPER DURING THE FORCED RESIDENCE TIME.

Signature Ky ten : anh Date Ngày: 24/02/1989

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin neu ra tat-ca giay-to kem theo voi so cau hoi nay

- 1 - Release certificate. 6 - Family certificate.
2 - Birth certificate (DAD, Nguyen anh & Tu Huynh thi Be, Lâm Nguyễn thanh)
3 - Marriage certificate 7 - Training Verification
4 - Identity cards (DAD, Nguyen anh, Tu Huynh thi Be)
5 - Photos



DAO, NGUYEN ANH
DOB: 19-08-1949, Saigon



TU, HUYNH THI BE
DOB: 05-06-1955, Long An



LAM, NGUYEN THANH
DOB: 22-05-1980, Saigon